TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN SÌN HỒ	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH LAI CHÂU	
Bản án số: 19/2024/ST-HNGĐ	
Ngày 09/7/2024	
V/v: "Ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Hồng Ngoãn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng A Măng

Ông Giàng A Páo

Thư ký phiên tòa: Ông Chảo Hò Sơn - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2024/ TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2024 về việc: "Ly hôn". Theo "Quyết định đưa vụ án ra xét xử" số 22/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lò Thị Th, sinh năm 1988; Địa chỉ: bản P t 1, xã T, huyện S H, tỉnh Lai Châu; vắng mặt có lý do.

- Bị đơn: anh Lò Văn D, sinh năm 1986; Địa chỉ: bản P t 1, xã T, huyện S H, tỉnh Lai Châu; vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị Th, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lò Thị Th và anh Lò Văn D, sau một thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, không có ai ép buộc và đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh (nay là xã Chiềng Đông), huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên vào ngày 17 tháng 11 năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống với nhau tại bản bản P t 1, xã T, huyện S H, tỉnh Lai Châu. Anh chị chung sống hòa thuận được 13 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong chuyện tình cảm do tính tình không hợp nhau và bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng anh chị không có tiếng nói chung, anh D hay uống rượu rồi hay đánh đập vợ con vô cớ. Vì vậy chị Th và anh D đã sống ly thân từ năm 2019 vợ chồng cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lò Thị Th đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu giải quyết cho chị ly hôn với anh Lò Văn D.

- Về con chung: chị Lò Thị Th và anh Lò Văn D có 02 con chung là cháu Lò Thị H, sinh ngày 15/7/2008 và cháu Lò Thị Phương L, sinh ngày 31/12/2009. Sau khi ly hôn chị Th có nguyện vọng được nuôi 02 con chung là cháu Lò Thị H và cháu Lò Thị Phương L cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Lò Thị Th không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị Lò Thị Th và anh D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản lấy lời khai của đương sự, vào ngày 10/6/2024 và đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lò Văn D, khai: anh D và chị Lò Thị Th có đăng ký kết hôn vào ngày 17/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh (nay là xã Chiềng Đông), huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau thời gian chung sống, chị Th đi làm ăn ở Trung Quốc 01 năm quay về, sau đó đi làm công ty ở Việt Nam và không về chung sống cùng anh D. Đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân được 08 năm không quan tâm đến nhau. Đến nay anh D còn tình cảm với chị Th nhưng chị Th không chịu quay về, chị Th làm đơn xin ly hôn anh D không nhất trí. Về con chung: anh Lò Văn D và chị Lò Thị Th có 02 con chung tên là Lò Thị H, sinh ngày 15/7/2008 và cháu Lò Thị Phương L, sinh ngày 31/12/2009. Sau khi ly hôn do điều kiện kinh tế khó khăn, anh D không có điều kiện chăm sóc các cháu được tốt nên tùy theo nguyện vọng của 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh D không đủ điều kiện để cấp dưỡng nuôi các cháu. Về tài sản chung, khoản nợ chung; vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên vào ngày 07/6/2024, cháu Lò Thị H và cháu Lò Thị Phương L, đều trình bày nguyện vọng là nếu bố mẹ

các cháu ly hôn, các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ, vì mẹ là người luôn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của các cháu từ bé và các cháu đều thích ở với mẹ hơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Lò Thị Th, kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định; Việc chấp hành pháp luật của bị đơn anh Lò Văn D không đầy đủ theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, anh anh D và chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị Lò Thị Th và anh Lò Văn D tại phiên Tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị Th được ly hôn với anh Lò Văn D.

Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị Th và anh Lò Văn D có 02 con chung là cháu Lò Thị H, sinh ngày 15/7/2008 và cháu Lò Thị Phương L, sinh ngày 31/12/2009. Từ khi anh chị sống ly thân, việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung đều do chị Th một mình đảm nhiệm. Hiện nay 02 cháu đang học tập và sinh sống với chị Th đã ổn định về thể chất và tinh thần, nếu giao cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các cháu. Để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các con chung sau khi ly hôn được phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần cũng như theo nguyện vọng chính đáng của các cháu và mong muốn của chị Lò Thị Th là người được chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho 02 cháu Lò Thị H, sinh ngày 15/7/2008 và cháu Lò Thị Phương L, sinh ngày 31/12/2009 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao 02 cháu là Lò Thị H và cháu Lò Thị Phương L, cho chị Lò Thị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục các cháu cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Lò Văn D được quyền đi lại, thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục các con; về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Lò Thị Th không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết; về tài sản chung, khoản nợ chung: chị Lò Thị Th và anh Lò Văn D không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án. Buộc nguyên đơn là chị Lò Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Lò Thị Th đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai, ký hiệu: BLTU/23; số 0000601 ngày 18/3/2024 tại Cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Chị Th đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra, xem xét tại phiên toà; Kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lò Thị Th, khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại bản P t 1, xã T, huyện S H, tỉnh Lai Châu. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị Lò Thị Th và anh Lò Văn D đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt chị Lò Thị Th và anh Lò Văn D tại phiên tòa nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự theo quy định tại các Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lò Thị Th và anh Lò Văn D sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh (nay là xã Chiềng Đông), huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên vào ngày 17 tháng 11 năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về

chung sống với nhau tại bản bản P t 1, xã T, huyện S H, tỉnh Lai Châu. Vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 13 năm thì xẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong chuyện tình cảm do tính tình không hợp nhau và bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng anh chị không có tiếng nói chung, anh D hay uống rượu và đánh đập vợ con vô cớ. Vì vậy chị Th và anh D đã sống ly thân từ năm 2019 vợ chồng cho đến nay. Thời gian anh chị sống ly thân đã quá dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lò Thị Th đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu giải quyết cho chị ly hôn với anh Lò Văn D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xét thấy anh Lò Văn D không có thiện chí hợp tác, không có yêu cầu phản tố, không đưa ra được các chứng cứ, biện pháp gì để cải thiện đời sống chung của vợ chồng. Hiện nay vợ chồng chị Th và anh D vẫn đang sống ly thân, không liên lạc và không còn quan tâm đến nhau nữa. Điều đó chứng tỏ vợ, chồng chị Th và anh D chung sống với nhau mà không có hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn & nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị Th, cho chị Lò Thị Th được ly hôn với anh Lò Văn D.

[2.2] Về con chung: Chị Lò Thị Th và anh Lò Văn D có 02 con chung là cháu Lò Thị H, sinh ngày 15/7/2008 và cháu Lò Thị Phương L, sinh ngày 31/12/2009. Từ khi vợ chồng chị Th và anh D sống ly thân, việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung đều do chị Th một mình đảm nhiệm. Hiện nay 02 cháu đang học tập và sinh sống với chị Th, chị Th có thu nhập ổn định từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/ tháng . Để đảm bảo việc phát triển đầy đủ, toàn diện về thể chất và tinh thần cũng như quyền lợi chính đáng cho các con chung sau khi ly hôn theo nguyện vọng của các cháu và mong muốn của chị Lò Thị Th là người được chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho 02 cháu Lò Thị H, sinh ngày 15/7/2008 và cháu Lò Thị Phương L, sinh ngày 31/12/2009 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao 02 cháu là Lò Thị H và cháu Lò Thị Phương L, cho chị Lò Thị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục các cháu cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Lò Văn D được quyền đi lại, thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục các con; về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Lò Thị Th không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, khoản nợ chung: Anh Lò Văn D và chị Lò Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án. Buộc nguyên đơn là Chị Lò Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Th đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai, ký hiệu: BLTU/23; số 0000601 ngày 18 /3/2024 tại Cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Chị Th đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lò Thị Th.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị Th và anh Lò Văn D, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 02 ngày 17 tháng 11 năm 2006 do Uỷ ban nhân dân xã Chiềng Sinh (nay là xã Chiềng Đông), huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị Th và anh Lò Văn D chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung*: Giao cháu Lò Thị H, sinh ngày 15/7/2008 và cháu Lò Thị Phương L, sinh ngày 31/12/2009 cho chị Lò Thị Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: chị Lò Thị Th không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Anh Lò Văn D là người không trực tiếp nuôi các con nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Tòa án không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Lò Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và gia đình sơ thẩm. Tiền án phí chị Th phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền ký hiệu: BLTU/23; số 0000601 ngày 18 /3/2024 tại Cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Chị Th đã nộp đủ.

- *Về quyền kháng cáo*: chị Lò Thị Th và anh Lò Văn D, vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Chi cục THADS huyện Sìn Hồ;
- UBND xã Ch S (Ch Đ);
- UBND xã P T ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Ngoãn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Vàng A Măng **Tẩn A Sếnh**